

BẢN LUẬN 26 DU GIÀ XỨ THỨ HAI

Luận: “Người bảy lần sinh...”, như Đối Pháp luận sao rộng nói.

Luận: “Nhà nhà là trên cõi trời từ nhà đến nhà...”, có hai thuyết:

1. Nan-đà nói: “Là hai cõi trời người, hoặc sinh qua hoặc sinh lại”.

2. Chánh pháp tạng nói: “Hai sinh nhà nhà, là chỉ ở trên cõi Thiên, hai sinh qua lại, một trong khoảng giữa chỉ có thọ Thiên hữu lậu”, cùng với Đối Pháp trái nhau, như trong Hội đó nói.

Luận ghi: Thời giải thoát có năm chữ “hoặc” tức là năm người thứ tự phối hợp.

Luận: “Lại nữa, Tham triền này trụ tại trong thân”, kinh văn tương tục cho đến “làm chỗ chế phục của pháp Khả ái và không thể chế phục pháp Khả ái kia”, trong đây có ý thuyết minh bị Tham triền bị Cảnh trói buộc tâm, không phải tâm có thể chế phục cảnh, như Tham trong Sân mạn dưới đây, căn cứ theo văn này mà giải thích. “Trong giải thích Quảng Môn sau đây, không giải thích Đẳng phân bạc trần hạnh”, trên có thuyết minh đầy đủ câu này, cho nên lại lược bỏ không nói.

Luận ghi: “Hiện tại trong nghĩa này, nên biết chỉ nói Chủng tánh Thanh văn thừa...”, trong luận này thì thuyết minh Thanh văn địa, là chỉ lấy Thanh văn ngay trên chủng tánh loài người.

Luận: “Trong giải thích Hữu phân biệt và Vô phân biệt ảnh tượng...”, như Đối Pháp luận quyển 11 Sao hội, trước đó sư Pháp nói: “Hữu phân biệt và Vô phân biệt đều ở trước Kiến đạo; Sự biên tế thì ở tại Kiến đạo, Sở tác thành biện thì tại Vô học đạo”. Trong luận này thì khác với giải thích trên.

Luận ghi: “Người kia trong lúc đó đối với Sự sở tri như hiện lãnh thọ thắng giải mà chuyển, tuy Sự sở tri kia không phải hiện lãnh thọ hoà hợp...”, trong đây có ý, thuyết minh Đồng phận ảnh tượng, Sự sở tri trong Định đó, nếu như hiện lãnh thọ tương tự trong Thật định, là Thật cảnh trước khi chưa hiện lãnh thọ. Lại nữa, cũng không phải cùng với vật ngoại cảnh tương tự, tuy xuất hiện trong Định, nhưng cùng với thật cảnh bên ngoài tương tự, vì lãnh thọ thắng giải cho nên gọi là Ảnh tượng sự sở tri đồng phận.

Luận: “Lại nữa, cũng gọi là Tam-ma-địa khẩu”, là Cảnh có thể sinh tâm, cũng như miệng bình đổ vật ra.

Luận: Trong giải thích Sở tác thành biện ghi: “Chỗ có Tác ý của

các duyên Ảnh tượng đều được viên mãn, cho đến được Chuyển y, cho nên siêu vượt Ảnh tượng...”, trong đây có ý rằng, tức là có Ảnh tượng vô phân biệt đều chưa chứng Chân như, đều có Ảnh tượng nhập Kiến đạo, gọi là Sự biên tế tận như Sở hữu tánh, hiện tại thì đến Sở tác thành biện của Vô học, đặc Chuyển y, chứng Viên mãn vô lậu, siêu vượt Ảnh tượng thì tâm Vô lậu không có Ảnh tượng. Đối Pháp luận ghi: “Ảnh tượng vô phân biệt, là Nội chân chứng trí, và Hậu sở đắc”, đây là từ Nhân mà đặt tên, gọi là Ảnh tượng vô phân biệt, nhưng thật ra hai Trí vì Vô lậu cho nên đều không có Ảnh tượng, có Vô phân biệt, hoặc Định hoặc Tuệ, văn của Đối Pháp luận tuy đầy đủ nhưng văn nói về Ảnh tượng không đủ, Ấn Độ đã giải thích có ba thuyết, đây là lấy tùy theo ý, tâm Vô lậu có Ảnh tượng đó giải thích đoạn văn này: “Siêu vượt Ảnh tượng”, đây là siêu vượt Ảnh tượng pháp chấp Hữu lậu, không phải tâm Vô lậu không có Ảnh tượng. Lại nữa, nghĩa Vô ảnh tượng lấy đoạn văn này làm chứng, nói rõ văn đó như trong Đối Pháp luận kia. Đoạn văn này làm chứng Nhân là tâm Vô lậu có Ảnh tượng, Quả thì không có tâm không có Ảnh tượng là nghĩa của sư Tuyên.

Luận ghi: “Nhân quả tương thuộc Sự”, tức là các sự Hành nhân, Đắc quả và Sở tác thành biện trong đây.

Luận ghi: “Nếu ưa thích thông đạt”, là đoạn Dục của cõi Dục, cũng là nhập Kiến đạo, và “ưa thích giải thoát...” trở xuống, là Tu đạo.

Luận: “Lại nữa, Bí-sô kia đối với từng thời gian tâm tịch tĩnh hoàn toàn, đối với từng thời gian mặc áo Tăng thượng tuệ...”, trong đây trước đã giải thích Định cảnh và Ngoại cảnh tương tự, từ đoạn văn này trở xuống, các đoạn văn sau đó thì giống như đoạn trước, là nói “đối với từng thời gian”.

Luận ghi: “Tất cả thô trọng đều diệt mất, tùy chỗ đắc Xúc mà chứng Sở y thanh tịnh...”, đây là giải thích bốn Thanh tịnh:

1. Thân thanh tịnh, trong đây gọi là Sở y.
2. Sở duyên thanh tịnh.
3. Tâm thanh tịnh.
4. Trí kiến thanh tịnh.

“Hoặc xương hoặc móc dính, hoặc tu quán kê hở trên xương”, lại giải thích: “Xương là xương ở khác chỗ, móc dính là xương ở chỗ liền nhau”. Hoặc nói “xương móc dính” là tổng hợp quán.

Luận ghi: “Hoặc thân hoặc tâm bất bình đẳng thọ mà thọ Sở nhiếp”, Thọ sở nhiếp là đồng thời các thân nghiệp, ngữ nghiệp...

Luận: Giải thích năm loại Tham: một là “đối với Dục của Nội

thân và Dục tham của thân”, là đối với Nội thân mới khởi Dục nhẹ của cõi Dục, cho nên gọi là Dục dục; kể đó khởi Tham nặng của cõi Dục, cho nên gọi là Dục tham. Lại nữa, Nội thân là pháp Sở dục của tự mình, cho nên nói đối với Nội thân dục, trên Nội thân dục mà khởi Dục, tức là tâm Năng dục, tâm này gọi là Dục tham, chữ Dục thứ nhất thuộc Sở dục, chữ Dục thứ hai thuộc Năng dục, chữ Dục thứ ba thuộc tổng kết tên gọi.

Luận ghi: “Hoặc đối với xanh, sinh... khởi ý tư duy, đối với Hiện sắc tham khiến cho tâm thanh tịnh; hoặc đối với biến đỏ khởi ý tư duy, đối với Hình sắc tham khiến cho tâm thanh tịnh”.

Thuật rằng: Tham các hiện sắc trắng hồng, để đối trị xanh, sinh...; đối với hình sắc khởi Tham dài ngắn vuông tròn, để trừ khử da thịt đối trị. Hoặc Tiểu thừa nói: “Biến ra tướng đỏ”, là tử thi ban đầu xanh, sau thì đỏ; biến thành thân máu đỏ, để trừ tham hình sắc. Đại thừa giải thích rằng: “Đầu tiên thì da thịt... màu đỏ, để trừ khử hình sắc của da thịt, gọi là biến ra đỏ”.

Luận ghi: “Đều nương vào bốn loại Đạm phạt lộ”, Đạm phạt nghĩa là Tịch tĩnh, có hai giải thích:

1. Đặt tử thi vào nơi tịch mịch không có phép tắc con người, cho nên gọi là Đạm phạt; đến nơi xứ sở kia cho nên gọi là Lộ.

2. Niết-bàn tịch tĩnh gọi là Đạm phạt, khởi quán Bất tịnh có thể đắc Niết-bàn cho nên gọi là Lộ.

BẢN LUẬN 27

Luận ghi: “Duyên gì khởi Duyên tánh...”, Duyên tánh là bốn Duyên; Duyên khởi là mười hai Nhân duyên.

“Giới sai biệt không luận mười tám Giới”, là sáu Giới này thông với cõi Dục và cõi Sắc, không phải mười tám Giới có Giới này.

Luận: Trong giải thích Ngoại địa giới, nói: “Không phải xa gần, không phải chấp thọ”, là nếu Nội địa giới là chỗ y của xa gần, thì gần tại Bản thức có thể có chấp thọ, hiện tại Ngoại địa giới thì không phải.

Luận: Trong Nội phong, nói: “Có gió Hiếp ngoạ...”, là gió này nằm nghiêng bên hông.

Luận: “Giải thích đoạn gió Đại đao”, là gió như con dao nhỏ chém xuống, có thể gây thương hại cho người. “Có gió Tất-bát-la”, sư Pháp nói: “Người có gió này thì sắc diện như có chấm đen”. Có người nói: “Tất-bát-la tức là người ăn Tất-bát-la, gió này chua cay đau đớn cũng như Tất-bát”.

Luận: Trong Ngoại phong ghi: “Có gió Tỳ-thấp-bà, có gió Phệ-lam-bà”, gió Tỳ-thấp-bà, ở đây gọi là gió Công xảo, có thể làm thành vạn vật, xưa thì gọi là gió Tỳ-thủ-yết-ma. Phệ-lam-bà, ở đây gọi là gió xoáy, xưa thì gọi là gió xoáy núi.

Luận: “Đa-la chưởng”, là Ấn Độ có một loại cây, hình trạng giống như cây lau ở xứ này, người ta đem về cắt bỏ lá bốn phía, chỉ lấy chồi của nó, giống như bàn chân con ngỗng, hợp nhiều cây lại xoè to làm quạt, gọi là Đa-la chưởng.

Luận ghi: “Lìa tướng hợp một”, tức là chấp làm Ngã, thật ra các cõi làm thân, chấp Ngã là hợp một, hiện tại lìa tướng này, tức là kinh Bát-nhã nói: “Như Lai nói tướng hợp một” là thế.

Luận: “A-na-ba-na niệm”, A-na gọi là giữ đến, Ba-na gọi là giữ đi. Giữ đến, là hơi thở vào, giữ đi là hơi thở ra, cũng gọi là hít vào thở ra.

Luận ghi: “Khoảng giữa hơi thở vào ra”, là khoảng giữa hai hơi thở vào và ra, tuy hơi thở chưa vào và ra, nhưng trong khoảng đó cũng có hơi thở vi tế, đổi lại gọi là khoảng giữa hơi thở.

Luận ghi: “Bắt đầu từ rún, cho đến cửa mặt, hoặc đến mũi”, là hơi thở đó chỉ đến chỗ dưới rún lại không có chỗ trở ra, cho đến từ miệng mà ra và mũi mà ra.

Luận: Trong nhân duyên của hơi thở ghi: “Một là Khiên dẫn nghiệp, tức là nghiệp đời trước, hai là lỗ rún, hoặc là chỗ có các lỗ trên

thân phần”, là trong rún có lỗ nhỏ, hoặc trên thân có các lỗ như miệng, mũi...

Luận: Trong Sở y của hơi thở, hoặc y thân, hoặc y nghiệp, hoặc y vào các lỗ, cho nên nói: “Như chỗ thích ứng của nó” là chỗ thích ứng đáng nương vào thì đều nương vào.

Luận: “Nếu chỉ nương vào thân mà hơi thở chuyển...”, trong đây có ý chất vấn rằng, không phải chỉ y vào thân mà hơi thở được chuyển, như khi nhập Vô tướng định... là thân đang ở tại cõi dưới, mà hơi thở kia không chuyển, cho nên không phải chỉ y vào thân mà hơi thở được chuyển.

Luận: “Nếu chỉ nương vào tâm mà hơi thở được chuyển”, trong đây có ý vấn nạn rằng, không phải chỉ y vào tâm mà hơi thở được chuyển, vì khi nhập Vô sắc định thì hơi thở kia đáng lẽ phải có nghĩa chuyển.

Luận: “Nếu chỉ nương vào thân tâm mà hơi thở được chuyển”, trong đây có ý vấn nạn rằng, cũng nương vào các lỗ, nghiệp... mà hơi thở được chuyển, không phải chỉ nương vào thân tâm, như ở trong bụng mẹ, khi còn ở bốn vị thì không có nghĩa chuyển. Luận nói Bế-thi vị...

Luận ghi: “Hoặc xứ đó chuyển, hoặc cho đến chuyển, hoặc như chỗ chuyển, hoặc đúng thời chuyển...”, đây là kết các nghĩa trên. “Hoặc xứ đó chuyển”, là nêu các hang lỗ nói trên, tức là lỗ nhỏ lỗ to... hơi thở tại các lỗ này mà chuyển. “Hoặc cho đến chuyển”, tức là đoạn văn nói lỗ rún, cho đến rún mà hơi thở vào thân, cho đến rún chuyển. “Hoặc như chỗ chuyển”, là đoạn văn trên nói hơi thở vào ra, lấy một làm một, ngoài ra khi thở thì giống như chỗ thuận nghịch... mà chuyển. “Hoặc đúng thời mà chuyển”, tức là đoạn văn trên nói “hoặc đúng thời mà làm”, là lấy một làm một, cho đến lấy một trăm làm một. Thời tiết dài ngắn tương tục... gọi là đúng thời mà chuyển, tức là thời gian đó đếm hơi thở mà được chuyển. Sau đó thì thành thực cho nên không có văn nói thêm.

“Mười sáu Thắng hạnh cho nên gọi là Tổng duyên, vì duyên các Đế”, trong đây thứ nhất là Tổng duyên niệm. Từ câu “hoặc dài ngắn” trở xuống, mới nêu ra mười sáu Thắng hạnh, đến môn sau mới giải thích mười sáu Thắng hạnh, nương vào bốn Niệm trụ, xưa nay lấy mỗi bốn môn mà phối hợp nó:

1. Quán hơi thở dài.
2. Quán hơi thở ngắn.
3. Quán hơi thở khắp thân.

4. Quán thở trừ thân hạnh. Đây là bốn môn Quán thân.
5. Quán Hỷ vào ra hơi thở.
6. Quán Lạc ra vào hơi thở.
7. Quán tâm hạnh ra vào hơi thở.
8. Quán thở trừ thở của tâm hạnh. Đây là bốn môn Quán thọ.
9. Quán tâm vào ra hơi thở.
10. Quán hơi thở của tâm Hỷ duyệt.
11. Quán hơi thở chế trì tâm.
12. Quán hơi thở giải thoát tâm. Đây là bốn môn Tâm hạnh.
13. Quán hơi thở vô thường.
14. Quán hơi thở đoạn.
15. Quán hơi thở lìa dục.
16. Quán hơi thở diệt ra vào. Đây là bốn môn Quán pháp hạnh.

Luận: Trong giải thích Thân có bốn môn, giải thích lại “hơi thở trừ thân hạnh”, Thân hạnh là hơi thở ra vào, khiến cho thở trừ nó, gọi là hơi thở trừ thân hạnh.

Luận: “Lại nữa, ngay như vậy mà Giác liễu, là giác liễu Lạc...”, trong đây là giải thích Tâm hạnh.

“Hoặc có vọng niệm khởi Ngã, Ngã sở và Mạn ngã thì phải có Vô ngã, phải có Vô sắc...”, Kiến đế này gọi là Vọng niệm tạm thời sinh khởi, không phải Kiến trong sáu mươi hai Kiến. “Nếu y theo Kiến trong sáu mươi hai Kiến đó”, thì Ngã phải có, là Thường kiến. Chỗ nào là người Kiến đế khởi Vọng kiến? Không có văn giải thích. Tu đạo khởi Thường kiến, là hiện tại chỗ này hiện khởi Hoặc gì? Lại nữa, đây là tại Phàm vị mà khởi, chưa có Kiến đế cho nên không có hại. “Nếu như thế thì Kiến đế trước khởi mười sáu Thắng hạnh này. “Làm thế nào được khởi Thường kiến”? Có nghĩa là mười sáu Hạnh này phàm phu cũng khởi. Trước đã nói “Kiến đế”, là căn cứ theo người Kiến đế mà làm luận, không phải thông với phàm phu, nhưng thật ra là thông với phàm phu, đây là khởi Thường kiến... tức là làm Thù thắng.

Luận: “Hữu tướng tướng...”, như Đối Pháp sao giải thích.

Luận: Trong giải thích Khổ khổ, “lấy bảy Khổ làm Khổ khổ”, đây là căn cứ theo thực tế mà làm luận. “Các kinh luận khác chỉ nói năm Khổ trước làm Khổ khổ”, đây là lấy từ Tăng thượng khổ mà nói Khổ khổ, Khổ thứ tám thì thông với ba Khổ có thể hiểu, đây là lấy chung Khổ của ba Thọ và Thủ uẩn.

Khổ thứ hai ngược lại thì giải trừ Sinh khổ, sáu Khổ còn lại cũng là Hoại khổ, vì khi Lão thì Hoại chút ít. Sáu Khổ trước đều là Hoại khổ,

trong đây lấy Phiền não và Hoại tâm làm Hoại khổ, cho đến Phi tướng cũng có, văn của các luận khác chỉ nói Lạc xứ, đến Định thứ ba trở xuống. Lại nữa, luận kia có văn, đến Địa trên thì ngay lúc này mới khởi tâm Phiền não làm Hoại khổ.

BẢN LUẬN 28

Luận: Trong giải thích Tăng thượng tuệ học, nói: “Đối với bốn Thánh đế như thật Tri kiến gọi là Tăng thượng tuệ học”, đây là chỉ căn cứ theo Vô lậu tuệ mà nói Tuệ học, không phải gọi là Hữu học.

Hoặc kể trước, “trong giải thích Định học”, giải thích thứ nhất một Định ngược lại, chỉ phỏng theo bốn Vô lậu tĩnh lự mà nói là Định học. Làm sao biết được? Tiếp theo đoạn văn sau nói: “Nhưng nương vào Tĩnh lự mà có thể trước hết nhập Hiện quán chánh tánh ly sinh của Thánh đế, không phải hoàn toàn xa lìa tất cả Tĩnh lự mà có thể thành các sự này...”, đây là giải thích ngược lại một giải thích ngược ở trước, chỉ nương vào Tứ thiên mà gọi là Định học. Giải thích thứ hai, lại nữa các Vô sắc và chỗ có các Đẳng trì, Đẳng chí khác cũng gọi là Định học, tức là Vô sắc định và chỗ có Đẳng trì Đẳng chí hữu lậu khác của cõi Sắc, đều gọi là Định học. Định học này thì thông với Lậu và Vô lậu, tại sao Tuệ học chỉ có Vô lậu? Định học thông với Lậu, có nghĩa là Định đó cũng chỉ có Vô lậu, trước nói: “Lại nữa, Vô sắc định”, là lấy Vô lậu định mà nói, và “các chỗ có Đẳng trì Đẳng chí khác cũng gọi là Định học”, đây là Vô lậu định của bốn Tĩnh lự phát dẫn thông, Định học hiện tại chỉ có Vô lậu, Tuệ học nghĩa đồng nhau, cũng không phương ngại. Định thông với Lậu và Vô lậu, Tuệ cũng vậy, đây là căn cứ theo lời nói của Vô lậu thắng giả, không đồng Định mà Tác pháp đầy đủ thì không ngăn ngại, căn cứ theo văn sau. Nếu có Giới định cũng chưa chắc có Tuệ, vì có Tuệ cũng chưa chắc có Giới định, giải thích trước làm thù thắng vì lấy Vô lậu tuệ làm Học. Lại nữa, Tuệ học chỉ có Vô lậu thì có hại gì? Giới định thông với Hữu lậu, rộng hẹp không đồng thì không phương ngại.

Luận: Sau đây nói “trong mười pháp trái nghịch” nói: “Hiện tại ý trong nghĩa này, lấy Năng đoạn tư duy, các pháp Du-già, Tác ý, làm chướng ngại pháp”, tức là giải thích thí dụ trong Quang minh ở trước, tuy có bốn loại, nhưng có ý lấy pháp và nghĩa, khi hai Quang minh có thể đoạn tư duy Du-già thì chướng ngại pháp.

Luận ghi: “Lui mất chỗ đắc cảnh Du-già”, tức là Hữu lậu thiên định...

Luận ghi: “Hồi chuyển đệ tử”, là tùy theo Giáo kia mà gọi là hồi chuyển.

Luận ghi: “Phương tiện có bốn loại là Thi-la, Niệm, Vô phóng dật và Định tuệ”, như văn có thể hiểu.

Luận: Trong duyên tướng, nói: “Lại cũng là Sở tác của Nhân, Sở tác của Phi nhân...”, tức là loạn tướng của Học và Tri, đây là nghĩa của sư Pháp. Lại nữa, xét văn trên văn dưới đều không đúng, trong Viễn ly dưới đây đều nói do Nhân duyên, cho nên biết Nhân duyên này tức là Nhân duyên sinh Tham... do đó văn dưới đây đều nói do Nhân duyên. “Hoặc Sở tác của Công dụng”, đây là do Nhân mà Gia hạnh này sinh loạn. “Hoặc Tỳ-bát-xá-na” trở xuống, đây là thuyết minh nhân duyên không loạn. “Sau khi quán cực mạnh cực thịnh là tướng Nhân duyên”, tức là tu tập Tư lương, đối với nhân duyên tối hậu mà thành mãn. Trong Định dưới đây, căn cứ theo đó mà biết.

Luận: Trong giải thích Thắng giải nhỏ hẹp, nói: “Và Ý giải Thắng giải của Sở duyên nhỏ hẹp”, là nương vào văn kết dưới đây mà nói Sở duyên nhỏ hẹp, đây là cõi Dục, nếu cõi Sắc thì gọi là rộng lớn, nếu Sở duyên vô lượng thì gọi là cõi Vô sắc.

Luận ghi: “Đối với Sở tác của nó khi thành biện thì chuyển”, là chỗ thành biện Sở y thanh tịnh kia, vì Sở y thanh tịnh, khiến cho Ái lạc thanh tịnh biến mãn, cho nên nói khi thành biện thì chuyển.

Ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, giải thích như Đối Pháp sao.

Trong trình bày tên của bảy Giác chi... đều có chữ “Đẳng”, sư Pháp nói: “Những Giác chi này tức là bảy chi của Như Lai, có thể nhân theo đó mà thành Đẳng giác, cho nên đều có chữ Đẳng”. Nếu như thế thì tám chi Thánh đạo sau đó cũng vậy. Tám Chánh tại Tu đạo, Kiến đạo thì Vô tướng, Tu đạo thì Phân biệt, vì Phân biệt cho nên có tướng, không có tướng thì Bình đẳng mà tỏ biết cho nên nói Đẳng giác. Nghĩa này trên dưới đều không ngăn ngại.

Luận: Trong giải thích bốn Niệm trụ thân, nói: “Ba mươi lăm loại Thân gọi là Thân sắc”, trong đây phỏng theo sắc thân mà gọi là Thân. “Nêu chung thân của Tổ phụ quốc”, tức là thân Quý. Vì tổ phụ từ xưa đến nay đều mong chỗ cúng tế của nam nữ, đều có nguyện này, cho đến Thượng tổ, gọi là Tổ phụ quốc, giải thích rộng như Trí Độ luận.

Lại nữa, luận nói: “Trung thân và Biểu thân” xuống văn dưới nói: “Liệt thân và Trung thân”, thì hai Trung thân có gì khác biệt? Nội thân gọi là Trung thân, cùng với Biểu thân tương đối, ở bên trong gọi là Trung thân, là ba Phẩm đối trị.

Luận: Giải thích hai mươi một Thọ, tức là như chỗ trình bày. “Hoặc chín loại Thọ”, sư Pháp nói: “Ngay ba Vị đầu thì mỗi mỗi làm ba Vị, cho nên được chín loại, chín loại này nhiếp hết tất cả Thọ, lại càng không có khai riêng môn nào khác. Lại nữa, giải thích chín loại Thọ:

1. Lạc.
2. Khổ.
3. Xả.
4. Lạc thân... ba Thọ.
5. Lạc tâm... ba Thọ.
6. Hữu vị.
7. Vô vị.
8. Dựa vào thị hiếu đam mê.
9. Dựa vào Xuất ly.

Hợp chung thì thành chín loại, khai ra thì thành mười loại.

Luận ghi: “Thế nào là pháp, cho nên trước thuyết minh tâm, ở đây thì luôn luôn thuyết minh pháp, như Tham Tỳ-nại-da”, Tỳ-nại-da nghĩa là Điều phục, tức là Vô tham điều phục Tham, Tham Tỳ-nại-da tức là Vô tham.

Luận ghi: “Như vậy các Thọ hoặc tùy thuận Niết-bàn...”, là các Vô vi tùy thuận Quyết trạch; là các tâm Vô lậu pháp hoặc tùy nơi Giới; là ba cõi Hữu lậu gọi là Ái vị; hoặc hai tánh Hữu lậu pháp của cõi trên là Văn và Tư của cõi Dục, người xuất gia y theo đó mà xuất ly Thọ; hoặc hai tánh pháp của cõi dưới và Thế của năm thứ Tham dục gọi là đam mê.

Luận ghi: “Như vậy sáu tâm phải biết đều là chỗ khởi của Hành thời”, là sáu tâm trước đều là khi hành vi tạo tác đấy khởi gọi là Hành thời, không phải Trụ thời... gọi là Hành thời. Hành thời đã như thế, Trụ thời cũng theo đó mà biết. Như trước đã nói, khi chưa trụ Định mà khởi, thì gọi là Hành thời, khi trụ Định mà khởi thì gọi là Trụ thời.

Luận ghi: “Nương vào Tịnh cái...”, trong đây giải thích Trụ thời có mười bốn tâm, Vô gián đạo chưa đắc Định trụ trong Gia hạnh đạo, gọi là Tịnh cái địa, khởi tám loại tâm nương vào Định Vô gián đạo, đoạn Phiền não kết mà khởi sáu tâm đó.

Hỏi: Tại sao tám loại trước gọi là Tịnh cái?

Đáp: Là Định gia hạnh không phải Vô gián, sáu tâm sau là Tịnh, hoặc một là Tịnh, một là Vô gián đạo, có nghĩa là cũng như tham sân si, để đối trị Cái, thì Vô tham điều phục là Năng trị, tức là sáu loại tâm hợp chung lại mà lấy, ba Sở trị tức là ba Cái. Đây là Hành thời, dưới đây là Trụ thời có tám loại: Hoặc Lược hoặc Tán, Lược tức là tướng dừng trụ, Tán tức là tán loạn; hoặc Hạ hoặc Cử, Hạ tức là Hôn trầm, Cử tức là tướng cử động; hoặc Trạo hoặc Ly trạo, Trạo tức là Trạo cử; hoặc Tịch tĩnh hoặc Bất tịch tĩnh, Ác tác gọi là Bất tịch tĩnh, Thiện tác gọi là Tịch

tĩnh. Lại nữa, Nghi là Bất tịch tĩnh, thì Quyết định gọi là Tịch tĩnh. Lại nữa, hợp chung lại lấy Năng trị đạo ở trước gọi là Tịch tĩnh, hợp chung Sở trị ở trước gọi là Bất tịch tĩnh, các Bất tịch tĩnh này mỗi mỗi đều riêng có đối trị, gọi là Tịnh chư cái địa. Cái tức là năm Cái, sau đó mười tám loại, tổng tướng mà nói, không phải riêng có Sở trị, đặc sáu Thời sau thì cần phải đặc các Thời trước, các Cái đã tịnh rồi mới có thể nhập Căn bản định. Nếu như thế thì Sở trị và Năng trị cần phải đồng thời, tại sao Cái làm Gia hạnh đạo, Định thì làm Vô gián đạo? Có nghĩa là, cũng như Năng trị tịch tĩnh đạo... như trước, hoặc như Gia hạnh đạo thì các Cái chỉ nắp phục mà vĩnh viễn đoạn. Lại nữa, Năng trị ở trước khi nắp phục làm Gia hạnh đạo, thì Sở trị diệt cùng với Vô gián đạo đồng thời, làm Sở đoạn của Vô gián đạo thì cần phải Sở trị diệt mất Năng trị mới sinh.

Luận ghi: “Từ Cái được giải thoát rồi, thì chứng nhập Căn bản định”, tâm Bất định trong Vô gián đạo tức là Sở trị, vì tám loại trước riêng có đối trị, cho nên Gia hạnh đạo phân riêng Quán tâm, sau đó Vô gián đạo là Tổng tướng quán, hoặc nói là Vô gián đạo. Lại nữa, chưa cần thuyết minh Phương tiện, vì tám tâm trước của Vô gián đạo, Sở trị đều là Cái, riêng có Sở trị. Sáu loại sau đó, tuy không phải trừ Cái, nhưng tổng đoạn các phiền não như sự phân biệt này, Phương tiện này vô gián và thứ tự, tám loại tâm chỉ nắp phục Hoặc, không phải là Vô gián.

Luận: Trong Kết pháp niệm trụ, nói: “Nếu có thể như vậy như thật biết khắp tự tánh, Nhân duyên và Quá hoạn, Đối trị của các Tạp nhiễm pháp là pháp Niệm trụ”, đây là xét theo văn trên, không có giải thích riêng bốn loại này, chỉ là tự tánh và Quá hoạn Đối trị, không có riêng Nhân duyên. Nếu căn cứ theo trên mà nêu, thì Sở trị Cái... gọi là tự tánh. Kế trước đã nói liễu tri Nhân xứ có kết, Quá hoạn gọi là Quá hoạn, cho nên Năng trị đạo ở trước gọi là Đối trị. Lại nữa, vẫn không có giải thích riêng Nhân duyên, hoặc nghĩa thành lập có phương hại, là trong sáu Hành thời và ba Bất thiện căn gọi là Nhân duyên của các Hoặc, là nhân duyên sinh các Hoặc. Lại nữa, ngay trên Chủng tử của tự tánh gọi là Nhân duyên. Lại nữa, nhân xứ nào, duyên xứ nào mà sinh tự tánh gọi là Nhân duyên? Lại nữa, nương vào Nhân cho đến Tác ý mà sinh, hoặc Nhân xứ... mà gọi là Nhân duyên.

Luận: Trong phần thứ nhất giải thích Thọ tâm pháp niệm trụ, trong đây có ý nói, nếu duyên Nội thân mà sinh Thọ tâm pháp niệm, thì duyên Thọ tâm pháp này thì gọi đó là Nội thọ tâm pháp quán. Ngoại...

cũng như Nội, trong đây duyên Thân, không lựa riêng tổng duyên Năng tạo và Sở tạo, hoặc giải thích thứ tư dưới chỉ có Năng tạo không phải Sở tạo, cho nên khác nhau.

Luận: Trong giải thích Tu thân quán thứ năm, nói: “Nếu duyên Vô thức thân Sắc đối với quá khứ có Thức...”, trong đây có ý nói thấy tử thi đối với đời quá khứ đã từng có Thức thời, tử thi hiện tại này thì gọi là Ngoại, phải có Thức thời thì gọi là Nội, duyên với hiện tại có Thức thân, vị lai không có Thức thân. Nội ngoại cũng vậy, vì hiện tại có Thức, vị lai không có Thức, Tương tợ pháp tánh, Bình đẳng pháp tánh, một tướng không khác, cho đến quá khứ cũng vậy.

Trong giải thích thứ sáu, nói: “Hoặc duyên tự Trung thân”, tức là Tự nội thân gọi là Trung thân, tức là Tự nội trung thân.

Luận: Trong đoạn bốn Đảo, giải thích Thân bất tịnh có ý nói: “Bất tịnh tương ứng với bốn Đạm phạ lộ”, là luận trong giải thích Đảo thứ hai, nói là người thọ Khổ lạc. Ý theo Phú dưới đây, trong giải thích ghi: “Đối với tâm Ý thức chấp Ngã, người gặp sự của ta ngu cho nên lập Tâm niệm trụ”, tức là chấp Tâm làm Ngã, cùng với giải thích một trái nhau, như Đối Pháp sao quyển 1, quyển 10 giải thích.

Luận: Trong giải thích nghĩa của Niệm trụ, nói: “Hai pháp Niệm tuệ là tự tánh”, cùng với Đối Pháp đồng. Tiểu thừa chỉ có Niệm làm tự tánh, hiện tại Đại thừa thì kiêm lấy hai pháp làm tự tánh của Niệm trụ, các Tâm và Tâm sở làm Thể của Trụ bạn, cho nên nói xen tạp lẫn nhau.

BẢN LUẬN 29

Luận ghi: “Tại sao gọi là tất cả Thiện pháp? Hoặc là Đối trị kia...”, ở đây câu thứ nhất là Tổng, từ Năng trị trở xuống hai câu là Biệt. “Năng trị nói là Bĩ”, tức là Bĩ trong Biệt, là Cái kết kia. Lại nữa, giải thích bất thiện pháp ở trước, ở đây tức là Đối trị của bất thiện ở trước kia. Hai câu dưới riêng nêu ra Năng trị, câu thứ nhất tức là Tổng.

Luận: Trong giải thích Sách lệ, nói: “Nếu duyên quá khứ không hiện thấy hiện tại, hiện thấy Sự cảnh”, tại sao không nói vị lai? Lại nữa, quá khứ không phải hiện tại, đã sinh và chưa sinh đều không phải là hiện thấy, có thể nói không hiện thấy. Hiện tại có pháp chưa sinh thì không hiện thấy pháp, tại sao hiện tại gọi là hiện thấy? Có nghĩa là quá khứ và hiện tại là chỗ có chưa sinh, đều ở tại vị lai, nhưng không nói vị lai. Nếu quá khứ và hiện tại kiêm gồm nghĩa vị lai, nếu duyên hiện tại hiện thấy cảnh mà khởi pháp chưa sinh, thì nắm lấy cảnh gọi là hiện thấy, không phải pháp chưa sinh của hiện tại gọi là hiện thấy.

Luận: “Chỉ do sức Phân biệt sinh, không phải sức của Cảnh giới, là đối với Trụ thời tư duy quá khứ...”, là không hiện hành đối với Cảnh giới, không có Cảnh giới hiện hành thì chỉ duyên quá khứ cho nên gọi là Trụ. “Cũng là sức Phân biệt và sức Cảnh giới”, tức là hiện hành đối với Cảnh giới gọi là Hành. Nếu bất thiện pháp khi sức Cảnh giới sinh, thì chắc chắn có Phân biệt, không có câu giải thích riêng này. “Phân biệt tức là tâm sinh Phân biệt”, là câu giải thích riêng thứ nhất, tức là phỏng theo quá khứ vị lai mà sinh. Câu giải thích riêng thứ hai là Cảnh hiện tại khởi, cùng với câu giải thích riêng thứ nhất ngược nhau, giải thích Sách lệ Tinh tấn thì đồng.

Luận ghi: “Luật nghi đoạn”, Luật nghi là đề phòng tội lỗi, đề phòng ác đã sinh khiến cho không tăng trưởng, như Đối Pháp sao nói: “Biệt giải do mười nhân duyên Giới thiện thanh tịnh”, là quyển 20 trước có mười pháp Thuận học:

1. Là Mẫu ấp.
2. Là Ái trước.
3. Là Giải đãi.
4. Là Ngã kiến.
5. Là Đoạn thực vị.
6. Là Ngôn luận ái.
7. Là mười một lỗi.
8. Là Định vị.

9. Lìa tán loạn.

10. Nhẫn Nhục.

Thể của bốn Thần túc là Định, từ Nhân mà đặt tên gọi là Dục... Lại nữa, Định là chân của Thần thông, cho nên gọi là Thần túc. Lại nữa, Định gọi là Thần, bốn thứ này là chân của Thần, Tâm thần túc tức là Tâm vương. Sư Pháp nói: “Lại nữa, hoặc là Định”, như Đối Pháp sao nói.

Luận ghi: “Do như vậy sức Tăng thượng của bốn Tam-ma-địa cho nên đã xa các Triền, lại làm hại vĩnh viễn tất cả tất cả Ác bất thiện pháp mới là chánh tu tập, lúc đó có tám Đoạn hạnh làm Dục vĩnh viễn hại Tùy miên, do đó làm Tam-ma-địa được viên mãn, cho nên sai biệt mà chuyển...”, đây là nêu ra Dục để thuyết minh nguyên nhân của tám Đoạn hạnh, tám Đoạn hạnh này, Cự dịch là tám nghiệp Tư lương, nêu Dục ra để thuyết minh trong Ý khai ra hai môn là Đoạn tùy miên và Định viên mãn. Để làm chuẩn cho giải thích sau đây hai thứ Năng đoạn tùy miên, cho nên văn sau nói: “Do hai nhân sinh ra đối với Tùy miên đoạn Phân biệt liễu tri”, là do Hiện kiến Hiện tư và do Bất hiện kiến xả, do nhân duyên này có thể đoạn Tùy miên. Làm chuẩn cho quyển này trong giải thích Sách lệ thứ nhất, nói: “Nếu duyên Sự cảnh quá khứ và vị lai, thì gọi là duyên Bất hiện kiến, nếu duyên Sự cảnh hiện tại thì gọi là duyên Hiện kiến cảnh”. Nghĩa này tức là tư duy hiện tại, xả thông Sự cảnh của quá khứ và vị lai, nếu như thế thì tại sao giải thích trong Xả, nói rằng, Hành quá khứ, vị lai và hiện tại ba đời, tùy theo nguyên nhân mà các tánh Ác tâm bình đẳng, lại còn phân Tư ra làm một đời, Xả làm hai đời, thật ra như Đối Pháp quyển 9 nói: “Đối trị là Tư và Xả, cho đến Hôn trầm và Trạo cử đã sinh có thể xa lìa, tức là đoạn chung ba đời. Tư và Trạch hai pháp đã gọi là Đoạn tùy miên, sáu pháp còn lại căn cứ theo đây mà biết Tam-ma-địa viên mãn. Lại nữa, đoạn văn sau nói: “Hiện tại chỗ nói tám loại Đoạn hạnh khi làm vĩnh viễn đoạn chỗ có Tùy miên viên mãn thành biện Tam-ma-địa thì tất cả tổng gọi là Dục Tam-ma-địa. Xét tổng văn này thì hình như tám loại đều có hai công năng. Lại nữa, Nhiếp bốn Du-già, bốn Du-già đều là Đoạn tùy miên. Lại nữa, Tư có thể phát khởi thân và khẩu, sinh Thiện thân nghiệp và Thiện ngữ nghiệp, dứt Ác thân nghiệp và Ác ngữ nghiệp. Thân và ngữ là Sắc, cho nên Tư từ Sắc mà được tên là Hiện kiến tư, Xả chỉ ở tại ý, không phải đồng với Tư, cho nên gọi là Hiện kiến xả, chưa chắc cùng với đoạn văn đầu của quyển đó đồng, tám Đoạn hạnh của nó tức là quyển 28, bốn Du-già có thể đoạn Tùy miên, tức là Dục, Tinh tấn, Tín

và Phương tiện. Đối Pháp tuy có bốn loại tương nhiếp nhưng hoàn toàn không đồng, không thể hội chung lại. “Chính Thứ đệ trong đây cùng với bốn Du-già trong quyển 28 không đồng”, là trong đây có tám Thứ đệ, như văn trước và sau tương sinh. Trong bốn Du-già đó, chính là Tín làm đầu, Đối Pháp cũng đồng, cho nên văn của luận kia lấy Tín làm Nhân của Dục, có nghĩa là chính khi Dục và Tinh tấn không lia Tín, thì Tín và Niệm ở tại đầu, vì có tin Phật... cho nên mới khởi Dục... hiện tại vì không lia Tín cho nên nói Tín ở sau. Đây là văn của Đối Pháp luận tự hội chung lại, vì nói bốn Du-già sinh khởi thứ lớp cho nên Tín làm đầu.

Luận: Đắc Thần tức gọi là trong Nhân duyên, nói: “Từ Bỉ có thể đến Thử cho nên gọi là Thần tức”, tức là có thể đi qua có thể trở lại... gọi là Thần tức, là quả Định giới. Dục... làm Nhân có thể đắc Thần tức này cho nên gọi là Thần tức.

Luận: Trong giải thích năm Căn, nói: “Cho đến Tuệ của nó chỉ có thể phát khởi xuất thế gian pháp để làm Tăng thượng của nó”, trong đây giải thích nghĩa của Căn. Tăng thượng, là Căn. Tín có hai Tăng thượng:

1. Có thể sinh xuất thế gian pháp mà làm Tăng thượng.
2. Thứ đệ có thể sinh pháp sau, vì làm Tăng thượng cho nên gọi là Căn.

Bốn loại trước (Dục, Tinh tấn, Tín và Phương tiện) có đủ hai nghĩa này, cho nên trước Tinh tấn... cũng là khởi pháp. Hiện tại Tuệ này chỉ có một nghĩa, chỉ có thể khởi xuất thế gian pháp mà làm Tăng thượng, không thể triển chuyển mà sinh nghĩa sau.

Luận ghi: “Phải biết trong đây Định căn và Định lực tức là bốn Tĩnh lực, cho đến chứng quả Bất hoàn...”, trong đây hai quả đầu chỉ đắc Vị chí định, hướng tới trước mà thứ tự đến Bất hoàn, đắc bốn Tĩnh lực, phát sinh thần thông, cho nên ở đây nói thiên về nó (quả Bất hoàn), không nói Quả thứ tư, vì không phải thứ đệ, lại cũng là Ảnh hiển, cũng lược bỏ không nói. Trong bốn Tĩnh lực phát khởi thần thông, nói Như ý túc, không nói các Định khác.

Luận ghi: “Tức là do như vậy các căn, các Lực dần dần tu tập... liền có thể phát khởi Thượng trung hạ phẩm thuận Quyết Trạch phần...”, căn và Lực trong đây như Trung Biên luận, căn ở tại Noãn và Đảnh vị, Lực ở tại hai Vị sau. Luận này thì nói do căn và Lực này phát sinh Quyết Trạch phần”, căn và Lực này là biệt, Quyết Trạch phần là tổng, vì biệt phát sinh tổng cho nên gọi là phát sinh, tức là đồng thời không

phải khác thời, vì trước và sau phát sinh cho nên gọi là phát khởi. “Có người muốn đắc Kiến đạo trước Hữu lậu và Vô lậu”, như luận tiếp theo sau đây. Riêng do căn Lực vô gián phát sinh Thánh pháp xuất thế vô lậu cho nên biết Hữu lậu này trở về trước không thể nói là Vô lậu.

Luận ghi: “Nếu như pháp mà câu y phục ẩm thực...” cho đến “cung cấp vật của thân khi truy cầu”, đây là khi truy cầu Sở cầu. “Hoặc đi qua hoặc trở lại” trở xuống cho đến “hoặc khi trụ”, đây là Sở tác khi ở trụ xứ, cùng với quyển 22 trái nhau, có thể xem xét.

Luận ghi: “Do sức Tăng thượng của bốn Niệm trụ, cho nên đắc chín loại Hành tướng của Vô điên đảo, chỗ nhiếp Chánh niệm có thể nhiếp chín loại Hành tướng tâm trụ gọi đó là Chánh niệm và Chánh định”, trong đây có ý nói, do bốn Niệm trụ làm Nhân, sinh Định tâm đồng thời với chín loại Niệm; chín loại Niệm tức là An trụ niệm... cùng với chín loại Định đồng nhau, đều lấy chín loại, đều là Định làm Trợ bạn; Định cũng có chín loại, lấy Chánh định và Chánh niệm làm Năng nhiếp, Trợ bạn làm Sở nhiếp, trong đây Niệm và Nhiếp trái nhau, như Đối Pháp sao mà hiểu.

Luận: Trong giải thích quả Bất hoàn, nói: “Chỉ đối với cõi Thiên hữu phải nên thọ sinh”, chính là một cõi nhân gian ở tại cõi Thiên, trong cõi người thọ một Hữu, không sinh trở lại thì liền sinh lên cõi Thiên, cũng gọi là Bất hoàn, vì nhân theo thời thì chưa gọi là Bất hoàn.

Luận ghi: “Lại nữa, trong đây Tham sân si mạn...” cho đến “nếu do thế lực sai biệt của Sở duyên cần siêng tu tập Gia hạnh”, trong đây có ý nói, người Tham sân si... những thứ này đều có đối trị, trước hết tại Ngũ đình tâm quán gọi là Định, do thế lực sai biệt của Sở duyên, tùy theo Tham hạnh khởi quán Bất tịnh, siêng cần tu tập tâm mới an trụ, người Đăng phần hạnh thì tất cả đều có đủ, tùy chỗ khởi Hạnh mà đều được trụ hành, như văn của luận dưới đây. Như người Đăng phần hạnh, đối với Ngũ đình tâm thì tâm người đó an trụ, không phải thanh tịnh cái Hạnh của người đó, có người nói cũng đoạn Hoặc, thì không đúng. Người xưa nói Sở tức quán thì trừ hai phẩm của Giác quán, hiện tại chỉ trừ Giác, cho nên chỉ nói Tầm tư hạnh, không phải trừ Từ (một trong bốn Bất định).

Hỏi: Tại sao không trừ Từ?

Đáp: Lấy Từ để xem xét duyên, vì Tầm thì tán loạn cho nên nói trừ Tầm.

Luận: Trong đáp Hành tướng của người Đăng phần hạnh, nói: “Chỗ có hành tướng của người Tham hạnh thì tất cả đều có đủ, nhưng

người Đẳng phần hạnh thì không phải cõi trên thù thắng, như Tham hạnh gặp duyên thì liền khởi Tham, gọi là người Tham hạnh”, người Đẳng phần này cũng vậy, tùy chỗ gặp duyên thì liền khởi Tham... gọi là người Tham hạnh, cùng với Tham... tương tự.

Luận: Trong giải thích Dị thực chướng, nói: “Hoặc sinh xứ”, là tùy theo sinh xứ. “Thánh đạo nương vào đó mà không sinh”, tức là ba nẻo ác. “Đối với Sinh xứ đó mà quả Dị thực sinh”, là Ác dị thực đối với Sinh xứ đó, không phải chỗ y của Thánh đạo.

Luận: Trong giải thích Tối sơ thanh tịnh, nói: “Do mười Giới thiện thanh tịnh, như trước nên biết”, là như quyển 28 ghi: “Do mười pháp thuận với pháp kia, một là Lìa mẫu ấp... như đã nói ở trên”, chính là Ngôn đạo Sa-môn, vì lấy Đạo để nói Mạng, gọi là Ngôn đạo.

Luận ghi: “Nếu không có chư Như Lai và chư Bồ-tát làm Bồ-đề” cho đến “chư Thanh văn vĩnh viễn trì ba Tạng thì gọi là Thuyết đạo Sa-môn”, đây là phỏng theo khi không có Phật Bồ-tát mà chư Thanh văn làm luận, nếu Phật và Bồ-tát có thì chúng Thanh văn này gọi là Thắng đạo, chư Phật Bồ-tát thì gọi là Thuyết đạo Sa-môn. Hiện tại khi không có Phật Bồ-tát thì Thanh văn gọi là Thuyết đạo, khiến cho chánh pháp nhân không bị đoạn mất giống.

Luận: Trong giải thích Hoại đạo Sa-môn, nói: “Do Sa-môn kia phá hoại chỗ có chánh đạo căn bản tối sơ...”, trong đây có ý nói, là giới luật làm Chánh đạo căn bản, hiện tại phá giới cho nên gọi là Hoại đạo căn.

Luận ghi: “Thế Tôn y theo kia mà nói như vậy” cho đến “đối với ngoại Sa-môn, Bà-la-môn dạy Không vô sở hữu...”, là chân giáo mà có, Thế Tôn nói như vậy: “Có các giáo của ngoại Sa-môn... là tà giáo, cho đến Hoại đạo cũng vô sở hữu, vì phải thọ chân giới mới sinh hoại, kia đã là tà giới, nếu hoại thì không phải Hoại đạo.

Luận: Trong giải thích Bà-la-môn, nói: “Danh tướng Bà-la-môn, là các thế gian do Tướng... tướng giả lập ngôn thuyết gọi là Bà-la-môn”, trong đây có giải thích, như Sát-đế-lợi, cha mẹ, giả lập gọi là Bà-la-môn, Thế là Sát-đế-lợi, Tướng gọi là Bà-la-môn. “Lại nữa, do Tướng”, là Danh... “Tướng”, là các thế gian đều do Tướng này gọi là Bà-la-môn, dưới đây là Chân thiện Bà-la-môn thứ ba. Bà-la-môn gọi là người Chân tịnh, vì tịnh ý chí của mình, như trước đã giải thích.

Luận: Trong giải thích Phạm hạnh, nói: “Đoạn Phạm hạnh là bậc Thánh đắc quả Bất hoàn...”, trong đây tại sao không thuyết minh hai quả đầu? Lại nữa, Phạm hạnh thứ hai trước, tại sao không luận Ly sắc

và Vô sắc dục? Có nghĩa là không nói hai quả đầu, vì lấy toàn phần Dục lià cõi Dục mà làm luận, đối với tạm thời đoạn Phạm hạnh, thành tạm thời Phạm hạnh, thì chỉ nói cõi Dục. “Lại nữa, tại sao trong Phạm hạnh thứ hai trước, không nói Dục của cõi Sắc”? Đây là Ảnh hiển, căn cứ theo đó mà biết như A-la-hán và quả Bất hoàn, phải biết Thế gian đạo cũng đối chiếu làm luận. “Đáng lẽ phải nói lià Dục của Hữu sắc và Vô sắc”, đây là nghĩa Ảnh hiển. “Tất cánh”, vì Vô lậu đạo đoạn chủng cho nên gọi là Tất cánh, không phải quả Vô học gọi là Tất cánh.

Luận: Trong giải thích Bí-sô, nói: “Tự xưng...”, ban đầu là thường khất thực... là tự xưng Bí-sô, nói người phá giới chỉ tự xưng Bí-sô, gọi là Tướng Bí-sô, tức là người chưa thọ giới, chỉ có Danh tướng Bí-sô mà chưa có giới.

Luận ghi: “Khéo biết Du-già thì liền khéo biết Phương tiện”, vì tri và hành cùng với lý tương ứng, nhân theo Trí hạnh mà có thể cùng với quả chung tương ứng, cho nên tri gọi là Phương tiện, cũng gọi là Tương ứng.

Luận ghi: “Nếu các chỗ Bồ-đặc-già-la tướng chưa thành thực...” cho đến “căn thứ hai tuy thành thực nhưng chưa khéo biết Thiện xảo phương tiện...”. Cả hai câu này có khác gì nhau? Có nghĩa là, câu thứ nhất đều chưa gieo trồng thiện căn, câu thứ hai tuy có trồng phần ít, nhưng chưa có Thiện xảo phương tiện, khác nhau chỗ đó.

Luận ghi: “Do ba nhân duyên trống rỗng không có quả”, là đạo quả Vô lậu, không phải quả thế gian. Làm sao biết được? Đoạn văn dưới nói: “Tuy đắc Định mà không có truyền dạy, tức là chân giáo thọ không tùy theo cho nên không có Vô lậu sinh, do đó trống rỗng không có quả.

BẢN LUẬN 30

Trì thứ ba này, một bài tụng thứ nhất, trong đó có hai đại ý: một là trình bày chung ba môn, hai là đối với môn thứ ba mở riêng làm năm đoạn. Hiện tại bốn câu tụng này có hai mươi chữ, tám chữ trên trình bày chung ba môn, mười hai chữ dưới thì riêng khai làm năm đoạn. Đến mừng hỏi là một, Tâm câu là hai, mới an lập là ba. Ngay trong An lập nói rằng trở lại tại năm môn:

1. Hộ dưỡng.
2. Xuất ly.
3. Cảnh tánh.
4. Chương tịnh.
5. Tu tác ý.

Ngay trong văn Trường hàng bên dưới, thì phân làm ba đoạn:

1. Từ câu “nếu có tự ái” trở xuống cho đến “giải thích bốn Xứ đã xong” trở lại, gọi là Đến mừng hỏi.

2. Từ câu “Chánh niệm như vậy...” trở xuống, thuyết minh Tâm câu; “khi sắp thỉnh hỏi” trở xuống, thuyết minh thỉnh hỏi pháp dụng.

3. Từ câu “như vậy đã thỉnh rồi thì khéo đạt Du-già” trở xuống, thuyết minh An lập, khi sắp thuyết minh An lập, lại còn thuyết minh sự an lập pháp dụng của đệ tử; “chư Du-già sư” trở xuống, thuyết minh An lập pháp dụng.

Luận ghi: “Như vậy đã hỏi rồi, người kia hoặc nói rằng, kể sau đó lại đối với bốn loại Xứ sở lấy bốn nhân duyên xứng với Chánh tâm câu, một Nhân duyên thứ nhất tâm câu bốn Xứ, là đối với người lợi căn; lại khởi ba Nhân duyên sau tâm câu ba Xứ sở, là đối với người độn căn mà khởi trở lại, làm sao biết được?” trở xuống, phát sinh ba Nhân duyên. “Trong Tâm câu ba Xứ sở tự sinh khởi”, là nguyên nhân luận nghiệm trong Chứng tánh của ba Thừa; “không nói, nghe pháp ba Thừa mà nước mắt rơi như mưa...” trở xuống, đây là căn cứ theo người Quyết định tánh.

Luận: Trong Nghiệm hạnh, nói: “Hoặc người có Tham hạnh, người đó nghe người khác vì mình mà nói ngôn luận xảo diệu, liền phát khởi tối cực Tịnh tín và Ái nhạo...”, trong đây có ý nói, do Tham hạnh tham lam giàu vui, nghe nói bảu báu của cõi Phật là chỗ kết thành ngôn luận xảo diệu, liền phát tối cực Tịnh tín... không phải Dục cảnh bên ngoài gọi là Tịnh diệu, vì không thể phát tối cực Tịnh tín, lại riêng lấy Dục hạnh... làm Tín thủ, Tình thủ và Dục thủ.

Luận: Trong giải thích Sĩ, nói: “Như nói độn căn làm rõ Hạnh cũng vậy”, tức là người độn căn, vì nói thô pháp, khuyến khích nỗ lực tầm cầu mới có thể hiểu rõ. Người Sĩ hạnh này, nghe các ngôn thuyết về Niết-bàn... biến hoại mà kinh sợ, nói sau khi được tà truyền thọ mà không kinh sợ, cũng như người độn căn, phải cố gắng nỗ lực mới hiểu rõ.

Luận ghi: “Đối với bốn Xứ sở đã lấy bốn Nhân duyên chánh tâm cầu rồi, lại đối với năm Xứ...”, từ đây trở xuống thuyết minh năm môn trong An lập. “Hộ dưỡng định...” tức là chỗ trình bày của bài tụng đầu và tụng giữa. “Thế nào là Hộ dưỡng”, tức là bài tụng thứ nhất; “Thế nào là Viễn ly”, tức là bài tụng thứ hai; “Thế nào là Tâm nhất cảnh tánh”, tức là bài tụng thứ ba.

Luận: Trong đây giải thích Vô tội tương ứng với Thích khoái, nói: “Lại nữa, do niệm kia đối với Cảnh sở duyên không có nhiễm ô, rất an ổn trụ Thực đạo thích khoái tương ứng mà chuyển...”, trong đây có ý nói, vì có thể trừ nhiễm mà đắc Đạo thành biện cực an ổn, tự thể thích khoái ban cho tương ứng, cho nên gọi là Vô tội.

Luận: Trong loại Tâm trụ thứ chín, nói: “Chưa chắc là tâm trong Định, chỉ cần trụ một duyên thì liền là Định”, vì tối sơ thúc liễm tâm... chưa chắc đã đắc Định, cho nên trước đã nói phẩm loại của Xa-ma-tha đó không phải đều là Xa-ma-tha. Như Đối Pháp luận sao mà hiểu.

Luận: Trong giải thích Tịch tĩnh, nói: “Là có các loại Dục, Khuể, Hại... các Ác tâm tư, Tham dục cái... các Tùy phiền não khiến cho tâm bị nhiễu động”, đây là nêu ra có quá hoạn mới sinh chán. Nói “Tham dục cái... các Tùy phiền não”, như Đối Pháp quyển 7 nói: “Có phiền não thì đều là Tùy phiền não, chính Căn bản hoặc cũng là Tùy phiền não”. Có Tùy phiền não mà không phải Phiền não, là hai mươi loại Đẳng tùy hoặc, chỉ tùy theo pháp khác mà sinh, không phải là Căn bản. Các Tham dục này... có khi tùy theo pháp khác mà khởi cho nên gọi là Tùy phiền não.

Luận: Trong giải thích chín Định cùng với sáu loại Lực tương nhiếp, nói: “Thứ nhất do hai lực nghe và tư duy, niệm niệm nghe, niệm niệm tư duy...”, cho đến “Đẳng biến an trụ”, trong đây nếu tối sơ do hai lực của Văn và Tư, thì chỉ có Nội trụ thứ nhất, Đẳng trụ thứ hai, An trụ thứ ba và Cận trụ thứ tư. Do lực của Ưc niệm, tức là hai lực đầu nhiếp hai chủng. Trong văn giải thích lại nói: “Cập tức là đối với Tương tục phương tiện và Trừng tịnh phương tiện này... bình đẳng an trụ khắp”, tức là hầu như gồm lấy An trụ thứ ba. “Trước giải thích An trụ, thuyết

minh Tri cũng là hai lực đầu” trở xuống, An trụ thứ ba và Cận trụ thứ tư đồng với Úc niệm lực”, làm thế nào mà thông?

Thuật rằng: Thật ra An trụ thứ ba là hai lực đầu nhiếp.

Trong Úc niệm lực ghi: “An trụ và Cận trụ”, trong đây có ý nói, do Úc niệm lực mà An trụ ở trong Cận trụ, không phải ngay hai pháp An trụ và Cận trụ là Úc niệm lực, tức là chỉ có một loại Cận trụ, đó là Úc niệm lực. Lại giải thích, luận ghi: “Ban đầu do hai lực của Văn và Tư duy, tức là Nội trụ, là ban đầu chỉ có một, Nội trụ kiêm gồm Đẳng trụ, là hai Lực đầu, chính An trụ là Úc niệm lực, như dưới đây nói, điều thuận Tịch tĩnh là hai loại Định. Hiện tại nói An trụ và Cận trụ, cũng thuyết minh Tri nhiếp hai loại. Giải thích “không phải An trụ ở trong Cận trụ”, nếu như vậy thì tại sao nói “Cập tức là đối với Tương tục phương tiện và Trừng tịnh phương tiện này... bình đẳng an trụ khắp”?

Thuật rằng: Chính An trụ thông với ba lực, nếu quán chưa thành thì hai lực đầu nhiếp, nếu quán hạnh đã thành thì Úc niệm lực nhiếp, vì tối sơ thúc liễm tâm khi bên trong trói buộc, tức là Tương tục phương tiện và Trừng tịnh phương tiện, lại không phải đã đắc An trụ, đây là sơ khởi An trụ quán tâm, sau đó Úc niệm lực an trụ, quán thành mới là Úc niệm lực. Lại nữa, “bình đẳng an trụ khắp”, tkl chỉ có Bình đẳng trụ một loại, không phải nắm lấy An trụ, vì bình đẳng khắp đối với các pháp thô động... an mà khắp, không phải nắm lấy An trụ làm hai lực đầu.

Luận ghi: “Ba môn và sáu Sự nhiếp bốn loại Tỳ-bát-xá-na của Tuệ”, Tuệ này mỗi mỗi đều thông với ba môn và sáu Sự.

Luận: Trong giải thích Tâm tư lý, giải thích Pháp nhĩ đạo lý, nói: “Thành lập pháp tánh, Nan tư pháp tánh và An trụ pháp tánh...”, vì như Sở tác tánh trở lại thành lập âm thanh vô thường, đây là Thành lập pháp tánh; như nghiệp, được thảo, chú thuật, là Nan tư pháp tánh; tánh sai biệt của Pháp nhĩ chủng tử ba Thừa gọi là An trụ pháp tánh.

Luận: Tại sao siêng tu Bất tịnh? Đây là Tịnh chướng thứ tư.

Luận ghi: “Mùi hôi và mùi hen”, là vì biến hoại cho nên có mùi hôi gọi là mùi hôi, như phần uest...; vừa mới sinh thì liền có mùi hôi gọi là mùi hen, như rau hẹ, tỏi...

Luận ghi: “Là từ cái gáo đựng máu”, đây là đầu và thân làm gáo đựng máu, vì có thể thành thực máu.

Luận: Trong giải thích về Thời, nói: “Tướng của Tịnh sắc này đối với đời hiện tại tuy có Tịnh tướng, nhưng đối với đời vị lai thì không nên Bất tịnh như Bất tịnh sắc hiện tại bên ngoài, là không có chuyện đó”, trong đây có ý nói, thuyết minh Tịnh sắc hiện tại đối với đời vị lai chắc

chấn sẽ Bất tịnh, đó chính là đã quán bên ngoài có Cảnh bất tịnh, quán Nội thân ghi: “Hoặc đời vị lai tức là Tịnh thì Nội thân hoặc không phải không Tịnh, như một loại Bất tịnh bên ngoài ngay bây giờ, là không có chuyện đó”. Chắc chắn sẽ Bất tịnh, nhưng không nói sẽ Bất tịnh.

Luận: Trong giải thích Tâm tư lý, nói: “Như vậy gọi là y theo Thắng nghĩa của thế tục và lấy nhân duyên quán chờ đạo lý Tâm tư y theo lý”, đây là giải thích về Nội vô ngã là Thắng nghĩa. Lại nữa, nói: “Cho đến đối với xanh, sinh... cho đến xương móc dính”, đây là nghĩa thế tục, như ta nay thân này là chỗ nghiệp phiền não đời trước kéo dẫn... là Nhân, do cha mẹ bất tịnh hoà hợp mà sinh... là Duyên. Bây giờ kết luận tùy theo văn cho tiện, không phải nương vào thứ tự mà kết. Lại nữa, nương vào thứ tự mà kết thì Tư có thể căn cứ theo đó mà biết.

Luận: Trong giải thích Chứng thành đạo lý, nói: “Khởi nghĩ như vậy: Tại sao hôm nay khởi ý tư duy pháp Năng đối trị, có thể đối với Năng trị Cảnh sở duyên giới phiền não đang sinh”, trong đây có ý nói, Cảnh bất tịnh bên ngoài gọi là Năng đối trị, vì trị Dục tham, do duyên Sắc bất tịnh bên ngoài mà Năng trị Cảnh sở duyên giới phiền não đang sinh, là lập Lượng rằng: “Khi duyên Bất tịnh thì chắc chắn có thể trị Dục tham, vì duyên Năng trị, như khi duyên Vô tướng thì có thể khiến trừ Hữu tướng”.

